TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2024/LĐ-ST
Ngày: 13-8-2024
V/v "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Cán bộ hưu trí

2. Bà Nguyễn Thị Rạt – Cán bộ hưu trí, nguyên Phó Phòng Lao động Thương binh xã hội huyện Đức Hòa.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Lệ Quân -Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Còn - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 144/2024/TLST - LĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST - LĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Chau P, sinh năm 1993. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Đây C, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D). *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Cụm C, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Tấn H – Tổng giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Chau P1, sinh năm 1994. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Đây C, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

3.2 Bảo hiểm xã hội tỉnh Long An. *(xin vắng mặt)*

Trụ sở: số H T tránh, phường D, Thành phố T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 09 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết ông Chau P trình bày:

Vào tháng 12/2012, do ông Chau P1 không có giấy tờ tùy thân nên ông có cho ông Chau P1 mượn giấy chứng minh nhân dân của ông (mang tên Chau P) để ông Chau P1 làm công nhận tại Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D). Quá trình làm việc tại Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D) ông Chau P1 có tham gia bảo hiểm bắt buộc theo Sổ bảo hiểm xã hội số 8012034660 của Bảo hiểm xã hội tỉnh L từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013.

Trong thời gian năm 2012 đến năm 2020 ông có làm công nhân tại Công ty cổ phần S (nay là Công ty cổ phần D) và từ năm 2020 đến tháng 04/2023 ông có vào làm cho Công ty Cổ phần S. Trong quá trình làm việc tại 02 công ty này, ông có tham gia bảo hiểm xã hội số sổ 8012018465.

Đầu năm 2024, ông liên hệ Bảo hiểm xã hội huyện Đ để lãnh tiền bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp thì cơ quan bảo hiểm thông báo ông bị trùng 02 sổ bảo hiểm, trùng thời gian bảo hiểm 05 tháng và hướng dẫn ông khởi kiện tại Tòa án.

Nay ông khởi kiện yêu cầu: Vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa Ông Chau P (do Ông Chau P1 tham gia lao động) với Công ty CP S (nay là Công ty Cổ phần D) từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013.

Điều chỉnh tên Chau P trên sổ bảo hiểm xã hội số 8012034660 thành tên Chau P1.

Bị đơn Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D) do ông Trịnh Tấn H đại diện có văn bản trình bày ý kiến ngày 26 tháng 7 năm 2024 như sau:

- Từ tháng 04/2014 Công ty Cổ phần S chính thức sáp nhập với Công ty Cổ phần D. Đến ngày 01/06/2022, Công ty Cổ phần D đã thay đổi chủ sở hữu , thay đổi cổ đông.

- Hợp đồng lao động giữa ông Chau P (do ông Chau P1 làm việc) với Công ty Cổ phần S từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013, đến nay đã quá 10 năm. Hiện Công ty Cổ phần D không còn lưu trữ hồ sơ tài liệu liên quan.

- Công ty Cổ phần D không yêu cầu hay tranh chấp gì liên quan đến người lao động giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Chau P1 trình bày:

Vào tháng 12/2012, ông và ông Chau P là anh em ruột vì hoàn cảnh khó khăn, chưa đủ tuổi lao động và không am hiểu về Pháp luật nên ông có mượn giấy chứng minh nhân dân của ông Chau P để vào làm việc tại Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D) từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013 và tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 8012034660. Nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Chau P về việc vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa ông Chau P (do ông làm

việc) với Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D) trong khoảng thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013 do không đúng người tham gia lao động và đồng ý điều chỉnh tên Chau P trên sổ bảo hiểm xã hội số 8012034660 thành tên Chau P1. Ông không yêu cầu Tòa án xử lý hậu quả khi hợp đồng lao động bị vô hiệu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L có văn bản trình bày:

Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách Bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, Bảo hiểm xã hội tỉnh L xác định Công ty CP S (nay là Công ty Cổ phần D) có tham gia bảo hiểm cho ông Chau P từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013 với số sổ bảo hiểm 8012034660; qua tra cứu, đến ngày 16/7/2024, ông Chau P chưa hưởng chế độ BHXH một lần và chưa hưởng BHTN với thời gian tham gia đóng BHXH, BHTN nêu trên. BHXH tỉnh L đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chau P về việc vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Chau P (do Chau P1 làm việ) với Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D) từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013 do hợp đồng được ký kết không đúng với nhân thân, vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại Điều 15 Bộ luật lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Điều chỉnh tên Chau P trên sổ bảo hiểm xã hội số 8012034660 thành tên Chau P1.

Các đương sự không yêu cầu xử lý hậu quả khi hợp đồng lao động vô hiệu, do đó đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của ông Chau P nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D) có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Ông Chau P là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty CP S (nay là Công ty Cổ phần D) là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Ông Chau P1 và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng về thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không áp dụng thời hiệu.

[1.4] Sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Chau P, người đại diện của Công ty Cổ phần D, ông Chau P1, đại diện BHXH tỉnh L có đề nghị được vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng lao động: Ông Chau P khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Chau P do ông Chau P1 trực tiếp tham gia lao động với Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D) là vô hiệu. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Chau P và ông Chau P1 thống nhất trình này: Ông Chau P có cho ông Chau P1 mượn chứng minh nhân dân mang tên Chau Prốc để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013 tại Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D) theo sổ BHXH số 8012034660. Đồng thời, từ năm 2012 đến tháng 04/2023 ông Chau P cũng tham gia lao động tại Công ty cổ phần S và tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo số sổ là 8012018465.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào sổ bảo hiểm xã hội số 8012018465, thể hiện ông Chau P đi làm tại Công ty cổ phần S và có tham gia bảo hiểm từ năm 2012 đến tháng 04/2023 và sổ BHXH số 8012034660 cũng thể hiện ông Chau P đi làm tại Công ty cổ phần S và tham gia bảo hiểm từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013.

Như vậy, có căn cứ xác định trong khoảng thời gian từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013 ông Chau P cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 01 doanh nghiệp là Công ty cổ phần S (nay là Công ty cổ phần D). Do đó, việc ông Chau P1 ký hợp đồng lao động với Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D) nhưng với tên ông Chau P là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007) nên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa ông Chau P (do ông Chau P1 làm việc) và Công ty cổ phần S (nay là Công ty Cổ phần D) là không có hiệu lực. Do đó, nay ông Chau P yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Chau P và Công ty CP S (nay là Công ty Cổ phần D) trong khoảng thời gian tháng 12/2012 đến tháng 04/2013 là vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, người lao động trực tiếp tham gia lao động là ông Chau P1 trong khi thông tin ký hợp đồng lao động mang tên ông Chau P vô hiệu là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Ông Chau P, Công ty Cổ phần D, ông Chau P1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động bị vô hiệu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Chau P tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho Công ty Cổ phần D nên Công ty Cổ phần D không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006,2007); Điều 190 Bộ luật lao động năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chau P.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Chau P với Công ty CP S (nay là Công ty Cổ phần D) từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013 là vô hiệu.

Điều chỉnh Sổ bảo hiểm xã hội mã số 8012034660 do Bảo hiểm xã hội tỉnh L cấp cho ông Chau P do Công ty CP S nộp từ tháng 12/2012 đến tháng 04/2013 tại Bảo hiểm xã hội tỉnh L thành tên Chau P1.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Chau P phải chịu 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông Chau P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004994 sang thi hành án phí.

3. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thùy Trang